

## BÁO CÁO

### Đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, như sau:

#### I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

##### 1. Đặc điểm chung

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, phía Tây giáp dãy Trường Sơn, phía Đông tiếp giáp biển Đông, có bờ biển dài khoảng 130 km; có 05 huyện là vùng cao, miền núi, dân số hơn 1,2 triệu người, có hơn 52.000 hộ đồng bào dân tộc thiểu số (*Hre, Cadong-Xơ đăng, Co, Tày, Thái...*) sinh sống chủ yếu ở các huyện miền núi, vùng cao. Thời tiết diễn biến phức tạp, bão, lũ thường xuyên xảy ra, đời sống người dân ở các huyện miền núi và tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Theo kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh tỷ lệ hộ nghèo là 9,11% (*trong đó các huyện miền núi tỷ lệ hộ nghèo là 35,64%*).

##### 2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội<sup>1</sup>

Năm 2021 là năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025; có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tạo tiền đề thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tuy bị ảnh hưởng, tác động lớn bởi dịch Covid-19 nhưng đạt được nhiều kết quả tích cực: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 6,05%. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 120.893 tỷ đồng, tăng 14,5%. Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.780 triệu USD, tăng 26,3%, vượt 27% kế hoạch. Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 24.193 tỷ đồng, đạt 133,7% dự toán HĐND tỉnh giao, vượt 51,1% chỉ tiêu Trung ương giao. Công tác giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả cao so bình quân chung của cả nước; giải ngân đạt 99,6% kế hoạch vốn ngân

<sup>1</sup> theo Báo cáo số 205/BC-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi

sách Trung ương và 96% kế hoạch vốn ngân sách tỉnh. Có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch năm, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh lên 94 xã. Lĩnh vực văn hóa - xã hội được chỉ đạo sâu sát, toàn diện. Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ người dân, người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh được triển khai tích cực, hiệu quả. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống người có công, đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội, giảm nghèo được đẩy mạnh.

### **3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Từ đó, các chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ, chính sách, dự án của Chương trình được triển khai kịp thời đến cơ sở, cộng đồng. Với kết quả đạt được như sau:

- Thực hiện đầu tư 768 công trình (trong đó, trên địa bàn các huyện nghèo 423 công trình) cơ sở hạ tầng, thiết yếu ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn đã tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế, đời sống ổn định.

- Thực hiện đầu tư 1.100 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (trong đó, trên địa bàn huyện nghèo: Thực hiện 743 dự án với 33.503 lượt hộ tham gia) và nhân rộng 17 mô hình (trong đó, huyện nghèo 12 mô hình với 336 hộ tham gia) giảm nghèo (các mô hình, dự án như: Nuôi bò cái Zebu sinh sản; nuôi cá chình thương phẩm; chăn nuôi gà kiến thả vườn; nuôi heo cỏ địa phương; liên kết tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm heo ky; chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản; chăn nuôi trâu cái nội sinh sản; đậu phụng xen bắp; trồng chôm chôm, trồng cây quế...) với 45.533 lượt hộ tham gia. Hỗ trợ chăm sóc, giao khoán, bảo vệ 36.359 ha rừng; hỗ trợ tiêm phòng 377.625 liều vắc xin cho gia súc, gia cầm (trên địa bàn huyện nghèo).

Việc thực hiện các dự án, mô hình đã giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhiều kinh nghiệm trong lao động sản xuất tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Công tác truyền thông và giảm nghèo về thông tin đã được đẩy mạnh trong những năm qua bằng các hình thức như: Đối thoại chính sách, xây dựng chuyên mục phát trên sóng truyền hình, cấp phát tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm sách, hội thi, xây dựng pa-nô cụm, tập huấn cho người dân, hỗ trợ phương tiện nghe, nhìn và trang thiết bị cô động ngoài trời... Từ đó các mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp dân cư, người nghèo, đã có sự chuyển biến về nhận thức trong giảm nghèo, khơi gợi ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách giảm

nghèo và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để vươn lên thoát nghèo. Tại một số địa phương, hộ nghèo đã tự nguyện viết đơn xin thoát nghèo, từng bước khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn hỗ trợ của nhà nước.

- Các chính sách giảm nghèo chung được kịp thời triển khai từ Trung ương đến cơ sở; các địa phương, ban ngành, đoàn thể các cấp đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau đến từng hộ dân, cộng đồng, khu dân cư. Từ đó các chính sách giảm nghèo chung được thực hiện đầy đủ, kịp thời cho đối tượng, như: 1.280 hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở ổn định; 345.854 lượt học sinh, sinh viên được hỗ trợ miễn giảm học phí, chi phí học tập đã góp phần tăng tỷ lệ trẻ em đến trường theo độ tuổi, giảm tình trạng bỏ học; 1.476.513 lượt đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế đã giúp người nghèo và cận nghèo tiếp cận với các dịch vụ y tế, an tâm khám chữa bệnh khi bị ốm đau; 1.563 lao động là người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người nghèo ở xã, thôn, bản ĐBKK được dạy nghề đã giúp cho đối tượng có được tay nghề cần thiết tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập; 2.224 lượt người nghèo, dân tộc thiểu số được trợ giúp pháp lý, từ đó các đối tượng được tiếp cận các thông tin pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật; chính sách hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng đã phần nào giảm bớt khó khăn cho đối tượng, góp phần ổn định cuộc sống (*196.814 lượt đối tượng là hộ nghèo, hộ chính sách xã hội hỗ trợ tiền điện và 315.665 lượt đối tượng được trợ cấp bảo trợ xã hội*); có 108.902 lượt hộ vay từ ngân hàng chính sách xã hội với doanh số cho vay 3.322.809 triệu đồng để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập cho gia đình.

- Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đầu năm 2016 là 15,19% thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 6,41%. Bình quân giảm 1,76%/năm, đạt mục tiêu đề ra (*1,5-2%/năm*); tỷ lệ hộ nghèo các huyện miền núi đầu năm 2016 có 46,76% thực hiện đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 22,01%. Bình quân giảm 4,95%/năm. Vượt 0,95% so với mục tiêu đề ra (*4%/năm*).

Kết quả đạt được như đã nêu là nhờ sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tạo được phong trào phấn đấu giảm nghèo trong cả tỉnh theo phương châm phát huy nội lực cộng đồng, các tầng lớp dân cư, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước, thu hút sự tham gia của toàn xã hội, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang. Các chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 của Trung ương đã thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo có điều kiện đã khơi dậy ý chí vươn lên trong lao động sản xuất, thoát nghèo bền vững của một bộ phận người nghèo, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO**

### **1. Đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo**

- Địa bàn rà soát: Là các huyện vùng cao, miền núi, có tỷ lệ hộ nghèo

cao, gồm các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ và Minh Long. Các huyện, thị xã, thành phố còn lại có tỷ lệ hộ nghèo thấp nên không rà soát.

- Kết quả rà soát các tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; tiêu chí tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn trong tổng số đơn vị hành chính cấp xã của huyện; tiêu chí thu nhập bình quân đầu người; tiêu chí khu vực miền núi, vùng cao, biên giới. Cụ thể:

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện: Ba Tơ: 40 điểm; Sơn Hà: 40 điểm; Sơn Tây: 50 điểm; Trà Bồng: 55 điểm; Minh Long 0 điểm;

+ Tiêu chí tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn trong tổng số đơn vị hành chính cấp xã (*Căn cứ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Đối với xã Thanh An, huyện Minh Long đạt chuẩn nông thôn mới*): Huyện Ba Tơ: 15 điểm; Sơn Hà: 15 điểm; Sơn Tây: 15 điểm; Trà Bồng: 15 điểm; Minh Long: 15 điểm;

+ Tiêu chí thu nhập bình quân đầu người của các huyện: Ba Tơ: 0 điểm; Sơn Hà: 09 điểm; Sơn Tây: 15 điểm; Trà Bồng: 09 điểm; Minh Long: 09 điểm;

+ Tiêu chí khu vực miền núi, vùng cao, biên giới (*căn cứ Quyết định số 33/QĐ-UB ngày 04/6/1993 và Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 của Bộ trưởng-Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và miền núi*): Các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Minh Long đều là vùng cao nên các huyện đều đạt điểm tiêu chí này là: 08 điểm.

- Tổng số điểm theo các tiêu chí của các huyện như sau:

+ Huyện Ba Tơ: 63 điểm;

+ Huyện Sơn Hà: 72 điểm;

+ Huyện Sơn Tây: 88 điểm;

+ Huyện Trà Bồng: 87 điểm;

+ Huyện Minh Long: 32 điểm

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

**2. Thời gian thẩm tra:** Thực hiện đảm bảo theo Điều 6, Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

**3. Về hồ sơ:** Xác lập đầy đủ theo quy định tại khoản 1, Điều 5, Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị xác định huyện nghèo.

- Báo cáo của UBND tỉnh tổng hợp, đánh giá tiêu chí xác định huyện nghèo.

- Danh sách đề nghị xác định huyện nghèo.

- Báo cáo thẩm tra của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Quyết định Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Biên bản lấy ý kiến các sở, ngành và địa phương về thẩm tra tiêu chí xác định huyện nghèo, xã (huyện) đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Hồ sơ của UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Minh Long và Ba Tơ (*đầy đủ theo điểm a, khoản 1, Điều 5, Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ*).

### III. KẾT LUẬN

#### 1. Về hồ sơ xác định huyện nghèo

Có 05 hồ sơ đề nghị xác định huyện nghèo.

#### 2. Về kết quả đánh giá xác định huyện nghèo

Qua thẩm tra có 05 hồ sơ đảm bảo đề nghị xác định huyện nghèo.

### IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các huyện đảm bảo tiêu chí xác định huyện nghèo giai đoạn 2021-2025, gồm: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long và Trà Bồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).*

*(Báo cáo này kèm theo hồ sơ đề nghị xác định huyện nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025).*

Kính báo cáo và đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

#### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo (Bộ Lao động-TB&XH);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Trà Bồng;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXvht113.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Phiên**